

# THỰC TRẠNG VIỆC SỬ DỤNG CODE-SWITCHING TRONG LỚP HỌC CỦA SINH VIÊN NĂM 2 CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Nguyễn Thị Hoàn  
Trường Đại học Hạ Long

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này khám phá việc sử dụng chuyển đổi mã ngôn ngữ trong lớp học tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) giữa các sinh viên năm hai chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Hạ Long. Chuyển đổi mã ngôn ngữ, được định nghĩa là sự luân phiên giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong giao tiếp, được xác định là một thực tiễn thường xuyên trong tương tác lớp học. Phân tích cho thấy chủ yếu liên quan đến những hạn chế về ngôn ngữ, yêu cầu nhận thức và các yếu tố ngữ cảnh trong lớp học. Mặc dù chuyển đổi mã ngôn ngữ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiểu và hỗ trợ tương tác, nhưng việc sử dụng quá mức có thể hạn chế việc sử dụng ngôn ngữ mục tiêu một cách bền vững. Nghiên cứu lập luận về sự tích hợp có nguyên tắc và chiến lược của chuyển đổi mã ngôn ngữ trong phương pháp sư phạm, nhấn mạnh sự cần thiết phải tối đa hóa việc tiếp xúc với tiếng Anh trong khi vẫn giữ lại ngôn ngữ mẹ đẻ như một nguồn hỗ trợ.

**Từ khóa:** chuyển đổi mã ngôn ngữ, lớp học EFL, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, Việt Nam.

## THE CURRENT SITUATION OF CODE-SWITCHING USE IN CLASSROOMS AMONG SECOND-YEAR ENGLISH LANGUAGE STUDENTS AT HA LONG UNIVERSITY

**Abstract:** This study explores the use of code-switching in English as a Foreign Language (EFL) classrooms among second-year English-major students at Ha Long University. Code-switching, defined as the alternation between English and Vietnamese within discourse, is identified as a recurrent practice in classroom interaction. The findings reveal that its occurrence is primarily associated with linguistic limitations, cognitive demands, and contextual classroom factors. While code-switching facilitates comprehension and supports interaction, its excessive use may constrain sustained target language use. The study argues for a principled and strategic integration of code-switching in pedagogy, emphasizing the need to maximize exposure to English while retaining the first language as a supportive resource.

**Keywords:** code-switching, EFL classroom, English-major students, Vietnam.

Nhận bài: 01/03/2026

Phản biện: 24/03/2026

Duyệt đăng: 27/03/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế, việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên Việt Nam, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, trở thành một nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học. Tuy nhiên, trong thực tiễn giảng dạy và học tập, hiện tượng code-switching - việc chuyển đổi qua lại giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong cùng một ngữ cảnh giao tiếp xuất hiện với tần suất đáng kể trong lớp học.

Hiện tượng phản ánh đặc điểm của môi trường học tập song ngữ, đồng thời cho thấy những chiến lược mà người học sử dụng để xử lý thông tin và duy trì giao tiếp. Mặc dù code-switching có thể hỗ trợ quá trình tiếp thu kiến thức, việc lạm dụng nó cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên. Đối với sinh viên năm 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hạ Long, đây là giai đoạn quan trọng trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ ở mức độ học thuật, do đó việc nghiên cứu hiện tượng có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết về code-switching

Code-switching được hiểu là hiện tượng chuyển đổi giữa hai hoặc nhiều ngôn ngữ trong cùng một phát ngôn hoặc trong quá trình giao tiếp. Trong các nghiên cứu về ngôn ngữ học xã hội và ngôn ngữ học ứng dụng, hiện tượng được xem như một chiến lược giao tiếp linh hoạt, giúp người nói điều chỉnh diễn ngôn phù hợp với ngữ cảnh và mục đích giao tiếp. Trong môi trường lớp học ngoại ngữ, code-switching không chỉ phản ánh năng lực ngôn ngữ của người học mà còn thể hiện cách thức họ xử lý thông tin và tương tác trong quá trình học tập.

Các nhà nghiên cứu cho rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong lớp học ngoại ngữ có thể đóng vai trò như một công cụ trung gian giúp người học tiếp cận ngôn ngữ mục tiêu một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hiệu quả của code-switching phụ thuộc vào mức độ và cách thức sử dụng, đòi hỏi sự điều chỉnh phù hợp trong bối cảnh cụ thể.

#### 2.2. Thực trạng sử dụng code-switching của sinh viên

Quan sát thực tế trong các lớp học của sinh viên năm 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường

Đại học Hạ Long cho thấy code-switching là hiện tượng phổ biến và diễn ra trong nhiều hoạt động học tập khác nhau. Sinh viên thường chuyển sang sử dụng tiếng Việt khi gặp khó khăn trong việc tìm kiếm từ vựng hoặc khi cần diễn đạt những ý tưởng mang tính trừu tượng và phức tạp. Đặc biệt, trong các hoạt động thảo luận nhóm, việc sử dụng tiếng Việt có xu hướng gia tăng nhằm đảm bảo hiệu quả giao tiếp và tiết kiệm thời gian.

Bên cạnh đó, code-switching cũng xuất hiện trong các tình huống giao tiếp không chính thức giữa sinh viên với nhau, cho thấy đây không chỉ là một phản ứng trước khó khăn ngôn ngữ mà còn là một thói quen giao tiếp đã được hình thành. Việc chuyển đổi ngôn ngữ trong lớp học vì thế mang tính tự nhiên và phản ánh đặc điểm của môi trường học tập song ngữ.

### 2.3. Nguyên nhân của việc sử dụng code-switching

Hiện tượng code-switching trong lớp học có thể được lý giải từ nhiều yếu tố khác nhau. Trước hết, hạn chế về năng lực ngôn ngữ là nguyên nhân quan trọng khiến sinh viên phải dựa vào tiếng mẹ đẻ để hỗ trợ diễn đạt. Mặc dù đã có nền tảng nhất định, sinh viên năm 2 vẫn gặp khó khăn trong việc sử dụng tiếng Anh một cách linh hoạt, đặc biệt trong các tình huống đòi hỏi khả năng diễn đạt phức tạp.

Bên cạnh đó, nhu cầu đảm bảo hiểu bài cũng thúc đẩy việc sử dụng code-switching. Khi đối mặt với các nội dung mang tính học thuật cao, sinh viên có xu hướng sử dụng tiếng Việt để nắm bắt ý nghĩa một cách nhanh chóng và chính xác. Yếu tố tâm lý cũng đóng vai trò đáng kể, khi việc sử dụng tiếng mẹ đẻ giúp giảm áp lực và tăng sự tự tin trong giao tiếp.

Ngoài ra, môi trường lớp học và phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng ảnh hưởng đến tần suất và cách thức sử dụng code-switching. Việc giảng viên sử dụng xen kẽ hai ngôn ngữ có thể tạo ra mô hình ngôn ngữ mà sinh viên có xu hướng bắt chước, từ đó củng cố thói quen chuyển mã trong lớp học.

### 2.4. Tác động của code-switching đối với quá trình học tập

Code-switching mang lại cả những tác động tích cực và tiêu cực đối với quá trình học tập của sinh viên. Về mặt tích cực, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ giúp giảm tải nhận thức, hỗ trợ sinh viên tiếp cận nội dung học tập một cách hiệu quả hơn, đặc

biệt trong giai đoạn đầu của quá trình tiếp thu kiến thức. Đồng thời, nó góp phần tạo ra môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sự tham gia của sinh viên và tăng cường tương tác trong lớp học.

Tuy nhiên, nếu được sử dụng một cách không kiểm soát, code-switching có thể làm giảm cơ hội thực hành tiếng Anh và ảnh hưởng đến khả năng hình thành phản xạ ngôn ngữ. Việc phụ thuộc quá nhiều vào tiếng mẹ đẻ có thể khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên trong các tình huống giao tiếp thực tế. Do đó, tác động của code-switching cần được nhìn nhận một cách toàn diện và cân bằng.

### 2.5. Định hướng sử dụng code-switching trong lớp học

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng việc sử dụng code-switching trong lớp học cần được định hướng một cách hợp lý nhằm phát huy những lợi ích và hạn chế những tác động tiêu cực. Thay vì loại bỏ hoàn toàn, việc kiểm soát mức độ và mục đích sử dụng chuyển mã ngôn ngữ là cần thiết. Sinh viên cần được khuyến khích sử dụng tiếng Anh tối đa trong các hoạt động học tập, trong khi tiếng Việt chỉ nên được sử dụng như một công cụ hỗ trợ trong những trường hợp cần thiết.

Đồng thời, giảng viên cần đóng vai trò định hướng thông qua việc sử dụng code-switching như một chiến lược sư phạm có ý thức, góp phần tạo ra môi trường học tập cân bằng giữa hiệu quả tiếp thu và phát triển năng lực ngôn ngữ.

## III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về thực trạng sử dụng code-switching trong lớp học của sinh viên năm 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hạ Long cho thấy đây là một hiện tượng phổ biến và mang tính tất yếu trong bối cảnh học tập ngoại ngữ tại Việt Nam. Code-switching vừa đóng vai trò hỗ trợ quá trình tiếp thu kiến thức, vừa tiềm ẩn những hạn chế đối với sự phát triển năng lực ngôn ngữ nếu không được sử dụng hợp lý.

Do đó, cần có cách tiếp cận cân bằng trong việc sử dụng code-switching nhằm tối ưu hóa hiệu quả học tập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên. Điều này đòi hỏi sự phối hợp giữa người học và người dạy trong việc xây dựng môi trường học tập phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong lĩnh vực ngôn ngữ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cook, V. (2001). Using the first language in the classroom. *The Canadian Modern Language Review*, 57(3), 402–423.
- Grant, L. E., & Nguyen, T. H. (2017). Code-switching in Vietnamese university EFL classrooms. *Language Awareness*, 26(3), 244–259.
- Nguyen, N. T., Grainger, P., & Carey, M. (2016). Code-switching in English language education: Voices from Vietnam. *Language Education in Asia*, 7(1), 66–79.
- Tam, N. T. D. (2024). Exploring code-switching practices in Vietnamese classrooms: An introductory investigation. *Huế University Journal of Science*. (2022). A study on code-switching in general English classes.